

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1173/TTr-SGTVT ngày 17/3/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, kinh doanh và sử dụng dịch vụ đò, phà trên địa bàn tỉnh Long An.

Giá dịch vụ sử dụng đò, phà này áp dụng cho các bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Đối tượng được miễn giá dịch vụ sử dụng đò, phà

- Thương binh, bệnh binh, người khuyết tật (có giấy xác nhận khuyết tật), học sinh trong những ngày đến trường (bao gồm cả người điều khiển và phương tiện đi lại), trẻ em dưới 10 tuổi.

- Các loại xe ưu tiên: Xe cứu thương; cứu hỏa; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh; đoàn xe đưa tang; đoàn xe có hộ tống, dẫn đường.

Điều 2. Giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Long An

1. Khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

TT	Đối tượng khách hàng	Đơn vị tính	Khung giá
1	Hành khách đi bộ	Đồng/lượt	1.000 - 2.000
2	Hàng hóa	Đồng/lượt	1.000 - 2.000
2.1	Hàng hóa từ 50kg trở xuống	“	1.000
2.2	Hàng hóa trên 50kg	“	2.000
3	Hành khách điều khiển + xe đạp, xe đạp điện, xe ba bánh không gắn động cơ	Đồng/lượt	2.000 - 3.000
4	Hành khách điều khiển + xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe có gắn động cơ tương tự	“	3.000 - 4.000
5	Hành khách điều khiển + xe ba bánh có gắn động cơ	“	4.000 - 6.000
6	Ô tô từ 9 chỗ trở xuống	“	23.000 - 35.000
7	Ô tô từ 10 đến 16 chỗ	“	28.000 - 45.000
8	Ô tô trên 16 đến 30 chỗ	“	39.000 - 65.000
9	Ô tô từ 31 chỗ trở lên	“	61.000 - 100.000
10	Ô tô chở hàng có trọng tải từ 3,5 tấn trở xuống	“	39.000 - 61.000
11	Ô tô chở hàng có trọng tải trên 3,5 tấn	“	61.000 - 100.000
12	Xe cơ giới thi công đường bộ	“	61.000 - 100.000

*** Ghi chú:**

- Giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên được áp dụng cho ban ngày. Từ 19 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau được tăng không quá hai lần mức thu ban ngày.

- Giá dịch vụ sử dụng đò, phà nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách.

2. Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đồ, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

STT	Đối tượng khách hàng	Đơn vị tính	Giá tối đa (Đồng)
I	Cự ly nhỏ hơn 100m		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/lượt	1.000
2	Hàng hóa, cụ thể:	Đồng/lượt	2.000
2.1	Hàng hóa từ 50kg trở xuống	“	1.000
2.2	Hàng hóa trên 50kg	“	2.000
3	Hành khách điều khiển + xe đạp, xe đạp điện, xe ba bánh không gắn động cơ	Đồng/lượt	2.000
4	Hành khách điều khiển + xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe có gắn động cơ tương tự	“	3.000
5	Hành khách điều khiển + xe ba bánh có gắn động cơ	“	4.000
6	Ô tô từ 9 chỗ trở xuống	“	23.000
7	Ô tô từ 10 đến 16 chỗ	“	28.000
8	Ô tô trên 16 đến 30 chỗ	“	39.000
9	Ô tô từ 31 chỗ trở lên	“	61.000
10	Ô tô chở hàng có trọng tải từ 3,5 tấn trở xuống	“	39.000
11	Ô tô chở hàng có trọng tải trên 3,5 tấn	“	61.000
12	Xe cơ giới thi công đường bộ	“	61.000
II	Cự ly từ 100m đến dưới 500m		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/lượt	2.000
2	Hàng hóa, cụ thể:	Đồng/lượt	3.000
2.1	Hàng hóa từ 50kg trở xuống	“	2.000
2.2	Hàng hóa trên 50kg	“	3.000
3	Hành khách điều khiển + xe đạp, xe đạp điện, xe ba bánh không gắn động cơ	Đồng/lượt	3.000
4	Hành khách điều khiển + xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe tương tự	“	4.000
5	Hành khách điều khiển + xe ba bánh có gắn động cơ	“	5.000
6	Ô tô từ 9 chỗ trở xuống	“	25.000
7	Ô tô từ 10 đến 16 chỗ	“	30.000
8	Ô tô trên 16 đến 30 chỗ	“	45.000

9	Ô tô từ 31 chỗ trở lên	“	65.000
10	Ô tô chở hàng có trọng tải từ 3,5 tấn trở xuống	“	45.000
11	Ô tô chở hàng có trọng tải trên 3,5 tấn	“	70.000
12	Xe cơ giới thi công đường bộ	“	70.000
III	Cự ly từ 500m đến dưới 1000m		
1	Hành khách đi bộ	Đồng/lượt	2.000
2	Hàng hóa, cụ thể:	Đồng/lượt	4.000
2.1	Hàng hóa từ 50kg trở xuống	“	2.000
2.2	Hàng hóa trên 50kg	“	4.000
3	Hành khách điều khiển + xe đạp, xe đạp điện, xe ba bánh không gắn động cơ	Đồng/lượt	3.000
4	Hành khách điều khiển + xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe tương tự	“	4.000
5	Hành khách điều khiển + xe ba bánh có gắn động cơ	“	6.000
6	Ô tô từ 9 chỗ trở xuống	“	35.000
7	Ô tô từ 10 đến 16 chỗ	“	45.000
8	Ô tô trên 16 đến 30 chỗ	“	65.000
9	Ô tô từ 31 chỗ trở lên	“	100.000
10	Ô tô chở hàng có trọng tải từ 3,5 tấn trở xuống	“	65.000
11	Ô tô chở hàng có trọng tải trên 3,5 tấn	“	100.000
12	Xe cơ giới thi công đường bộ	“	100.000

Ghi chú:

- Giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên được áp dụng cho ban ngày. Từ 19 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau được tăng không quá hai lần mức thu ban ngày.

- Giá dịch vụ sử dụng đò, phà nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà thực hiện kiểm tra, giám sát việc thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà của các đơn vị thu và báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Khi có biến động về giá nhiên liệu làm ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của đơn vị thu, cự ly vận chuyển lớn hơn 1000m, Sở Giao thông Vận tải sẽ tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh mức giá dịch vụ sử dụng đò, phà cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Đơn vị thu có trách nhiệm:

a) Đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý: Khi triển khai thu giá sẽ xem xét điều kiện của từng bến cụ thể mà áp dụng mức giá cụ thể nhưng phải nằm trong khung giá trên.

b) Thực hiện thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng thanh toán giá dịch vụ sử dụng đường bộ, đối tượng miễn giá dịch vụ sử dụng đò, phà tại nơi bán vé và trạm thu theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện cho chủ phương tiện và tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé cho mọi đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ;

d) Thực hiện thu, kê khai, nộp, quản lý, sử dụng tiền bán vé theo quy định của pháp luật.

e) Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về quản lý giá các quy định pháp luật có liên quan.

g) Định kỳ 6 tháng, các đơn vị cung ứng dịch vụ báo cáo kết quả hoạt động, tình hình cân đối thu – chi, đánh giá mức độ bù đắp chi phí phát sinh (nếu có) về Sở Giao thông vận tải và khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2018 và bãi bỏ Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định tạm thời khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Bộ GTVT (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Phong KT;
- Lưu: VT, Sở GTVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Trần Văn Cần